

Số: 04./2024/BCMT-CPL.HN

Hà Nam, ngày 04 tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2023

Kính gửi:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Sở TN&MT tỉnh Hà Nam;
- Ban quản lý các KCN tỉnh Hà Nam.

Thực hiện quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Công ty TNHH Đầu tư Capella Hà Nam báo cáo công tác Bảo vệ môi trường năm 2023 của Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Thanh Liêm giai đoạn II như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dự án đầu tư: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP THANH LIÊM GIAI ĐOẠN II – TỈNH HÀ NAM

2. Mục tiêu của dự án: Xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Thanh Liêm giai đoạn II.

3. Địa điểm thực hiện dự án: Các xã Thanh Thủy, Thanh Phong, Thanh Hà và thị trấn Kiện Khê – huyện Thanh Liêm; phường Thanh Tuyền, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

4. Quy mô dự án: 142,13ha.

5. Tổ chức kinh tế thực hiện dự án: Công ty TNHH Đầu tư Capella Hà Nam.

- Đại diện : Ông HOÀNG VĂN HUNG Chức vụ: Giám đốc

- Trụ sở chính : KCN Thanh Liêm, xã Thanh Phong, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

- Điện thoại : 0977169755

- Mã số thuế : 0700825207

- Vốn điều lệ : 190.000.000.000 (Một trăm chín mươi tỷ đồng).

- Ngành nghề kinh doanh: Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng.

- Giấy phép môi trường: số 187/GPMT-BTNMT ngày 09 tháng 06 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH, DỊCH VỤ TẠI KHU CÔNG NGHIỆP THANH LIÊM GIAI ĐOẠN II.

Tính đến thời điểm hiện tại, Khu công nghiệp Thanh Liêm giai đoạn II đã được Ban quản lý KCN tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho 24 doanh nghiệp, trong đó có 11 doanh nghiệp đã xây dựng xong và đi vào hoạt động với các ngành nghề đa dạng. Nước thải của các doanh nghiệp sau khi được xử lý sơ bộ được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN và Trạm XLNT tập trung của KCN xử lý nước thải đạt cột A QCVN 40:2011/BTNMT trước khi xả ra môi trường.

Theo ĐTM được phê duyệt thì KCN Thanh Liêm giai đoạn II không có công trình xử lý khí thải chung. Tùy theo từng ngành nghề sản xuất, các nhà đầu tư thứ phát trong KCN sẽ phải lập báo cáo ĐTM riêng và có công trình xử lý khí thải riêng tại từng nhà máy (nếu có). Chất thải rắn phát sinh của các doanh nghiệp trong KCN được thu gom, phân loại và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

(Chi tiết theo Bảng 01a, phụ lục 1 đính kèm)

III. TÌNH HÌNH XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Kết quả đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung (tính đến thời điểm báo cáo):

- Số doanh nghiệp đầu nối và tổng lượng nước thải từ các cơ sở này xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung tương ứng: hiện đã có 13 doanh nghiệp đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN (trong đó có 2 doanh nghiệp thuộc KCN Thanh Liêm giai đoạn I đầu nối theo quy chế phối hợp thu gom và xử lý nước thải giữa Ban quản lý KCN tỉnh Hà Nam và Capella Hà Nam) với tổng nước thải tương ứng xả vào hệ thống là 800 m³/ngày.đêm.

- Số doanh nghiệp được miễn trừ đầu nối và tổng lượng nước thải phát sinh của các cơ sở này: Không có

- Số doanh nghiệp không/ chưa đầu nối theo quy định và tổng lượng nước thải phát sinh của các cơ sở này: Không có

2. Vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Thanh Liêm giai đoạn II.

- Hệ thống thu gom nước thải: Hệ thống được thiết kế riêng biệt, nước thải từ các doanh nghiệp được xử lý sơ bộ rồi đầu nối vào mạng lưới thu gom nước thải tập trung của khu công nghiệp qua các tuyến cống có đường kính D300, D400, D600 để dẫn về bể gom của trạm xử lý nước thải.

- Công trình xử lý nước thải: Công ty TNHH Đầu tư Capella Hà Nam đã xây dựng hoàn thành Trạm xử lý nước thải tập trung giai đoạn I với công suất 2.000 m³/ng.đêm.

- Các hạng mục nhà máy xử lý nước thải tập trung: Bể gom nước thải; thiết bị tách rác tinh; bể điều hòa nước thải; bể axit hóa; bể kiểm hóa; bể đông tụ; bể keo tụ; bể ổn định; bể lắng sơ cấp; bể trung gian; bể anoxic; bể aeroten; bể lắng thứ cấp; bể điều chỉnh pH; bể khử màu; bể keo tụ; bể đông tụ; bể lắng màu; bể khử trùng; bể sinh học; bể chứa bùn; mương quan trắc; máy ép bùn; hồ sục cố dung tích 4.000 m³.

- Hệ thống xử lý nước thải vận hành theo phương pháp hóa lý kết hợp vi sinh để xử lý nước.

- Kết quả vận hành hệ thống XLNT: Hệ thống xử lý nước thải của KCN đã xây dựng hoàn thiện và đang vận hành thử nghiệm với công suất trung bình khoảng 800m³/ngày.đêm. Nước thải từ bể gom của trạm xử lý nước thải được bơm về bể điều hòa, qua hệ thống xử lý hóa lý, sinh học, khử màu qua mương quan trắc và xả thải ra môi trường theo QCVN 40:2011/BTNMT C_{max} – Cột A (K_q =1, K_f = 0,9)

- Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong năm khoảng 420 m³.

- Tổng lưu lượng nước thải công nghiệp phát sinh trong năm 85.060 m³ ; Tổng lưu lượng theo thiết kế được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường là 7.600m³/ngày.đêm;

- Tỷ lệ nước thải phát sinh so với công suất xử lý và nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung khoảng 0,5%

- Lượng bùn thải phát sinh, biện pháp xử lý: Do hệ thống XLNT đang trong giai đoạn vận hành thử nghiệm nên lượng bùn thải phát sinh không đáng kể và vẫn đang được lưu chứa trong bể chứa bùn của hệ thống, chưa có bùn thải phát sinh thải ra môi trường.

3. Kết quả quan trắc nước thải

3.1. Quan trắc định kỳ nước thải

a) *Quan trắc định kỳ nước thải sinh hoạt:*

- Đơn vị thực hiện quan trắc: Công ty cổ phần khoa học và công nghệ Việt Nam (VNST), Số hiệu Vimcerts 121.

- Địa chỉ: Lô BTSL 2-2 và 2-3 Khu đô thị mới Tân Tây Đô, huyện Đan Phượng, Hà Nội.

- Công ty TNHH Đầu tư Capella Hà Nam đã tuân thủ tần suất quan trắc định kỳ theo ĐTM của Khu công nghiệp Thanh Liêm giai đoạn II đã được phê duyệt là 4 lần/năm. Công ty chúng tôi đã ký hợp đồng thực hiện quan trắc định kỳ 1 năm 4 lần đối với nước thải đầu vào và đầu ra tại điểm xả của hệ thống xử lý nước thải.

- Thời gian quan trắc: từ quý I năm 2023 đến quý IV năm 2023.

- Tần suất quan trắc : 3 tháng/lần.

- Thông số quan trắc: BOD₅, Amoni, Tổng N, Tổng P, Pb, Cd, As, Hg, Fe, Cu, Zn, Mn, Cr³⁺, Cr⁶⁺, Clorua, Sunfua, Dầu mỡ khoáng, Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT C_{max} - Cột A (K_q = 1, K_f = 0,9) và theo giấy phép môi trường số 187/GPMT-BTNMT ngày 09 tháng 06 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Vị trí và số lượng mẫu quan trắc gồm: 01 mẫu đầu vào tại Bể điều hòa, 01 mẫu đầu ra tại Mương quan trắc.

Nhận xét chung:

- Tính từ tháng 12/2022 đến 23/9/2023 trong KCN Thanh Liêm giai đoạn II có lượng nước thải phát sinh rất ít, không đủ để vận hành trạm xử lý nước thải, nước thải vẫn đang được thu gom và lưu trữ tại bể của hệ thống xử lý nước thải. Trạm xử lý nước thải chưa xả nước thải sau xử lý ra môi trường.

- Sau ngày 23/9/2023, hệ thống vận hành thử nghiệm để phân tích các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống với công suất 800m³/ngày.đêm. Tất cả các thông số quan trắc nước thải đầu vào nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, nước thải đầu ra đạt tiêu chuẩn C_{max} – Cột A (K_q = 1, K_f = 0,9) của quy chuẩn này.

3.2. Quan trắc nước thải liên tục, tự động

a. Thông tin chung về hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục

Công ty TNHH Đầu tư Capella Hà Nam đã hoàn thành việc lắp đặt và truyền dữ liệu trạm quan trắc tự động nhằm kiểm soát chất lượng nước thải đầu ra của trạm xử lý nước thải tập trung. Từ ngày 23/9/2023, trạm xử lý bắt đầu quá trình vận hành thử nghiệm với công suất 800m³/ngày.đêm, các thông số quan trắc chất lượng nước thải tự động đã được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam theo đúng quy định hiện hành.

b. Vị trí và địa điểm lắp đặt trạm quan trắc.

- Vị trí lắp đặt: Tại Trạm xử lý nước thải KCN Thanh Liêm giai đoạn II

- Đặc điểm nguồn thải được giám sát: Nước thải công nghiệp và nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân làm việc trong khu công nghiệp.

- Tần suất thu nhận dữ liệu: Tối đa 5p/lần.

- Danh mục, thông số quan trắc: Gồm 7 thông số, cụ thể là: COD, TSS, pH, NH₄⁺, nhiệt độ, lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011 BTNMT (Cột A, K_q = 1; K_r = 0,9).

- Hoạt động hiệu chuẩn: 1 lần/năm.

c. Tình trạng hoạt động của trạm.

Trạm quan trắc đã hoàn thành lắp đặt, hiệu chuẩn và kết nối dữ liệu với Sở Tài nguyên và Môi trường. Trong giai đoạn 12/2022 đến 23/9/2023, nhà máy xử lý nước thải chưa có nước thải để vận hành nên chưa có dữ liệu quan trắc. Sau ngày 23/9/2023, trạm bắt đầu vào vận hành thử nghiệm, đã có dữ liệu quan trắc, truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam, theo dõi, đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống cũng như chất lượng nước đầu ra trước khi xả thải ra môi trường.

IV. CÔNG TÁC PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ VÀ KHẮC PHỤC SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường.

Nhằm phòng ngừa trường hợp xảy ra sự cố, Trạm xử lý nước thải Khu công nghiệp Thanh Liêm giai đoạn II đã xây dựng 01 hồ sự cố có dung tích 4.000m³ (thể tích xây dựng là 6.643 m³) để ứng phó khi hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố, đảm bảo lưu chứa nước thải phát sinh tối đa (khoảng 2.000 m³/ng.đêm) trong thời gian 2 ngày.

2. Việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường

a. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Công ty đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục chất lượng nước thải sau khi xử lý: thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp ứng phó sự cố.

- Niêm yết các quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực Trạm xử lý.

- Lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành xử lý.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc trong hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và thoát nước thải.

- Khi mô đun xử lý nước thải gặp sự cố, nước thải sẽ được lưu chứa tạm thời trong hồ sự cố với dung tích thiết kế khoảng 4.000m³ để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

b. Quy trình ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:

Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu, trạm sẽ ngừng ngay việc xả thải ra nguồn tiếp nhận và lưu chứa nước thải tại 01 hồ sự cố dung tích 4.000m³ thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý theo quy trình của Công ty xây dựng, cụ thể như sau:

- Khi nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu theo quy định, đóng cửa xả để ngăn không cho nước thải chưa xử lý đạt tiêu chuẩn xả ra nguồn tiếp nhận, đồng thời, nước thải từ các dự án đầu tư thứ cấp trong KCN, sau khi thu về bể gom, cũng được dẫn về hồ sự cố.

- Tìm hiểu và khắc phục các sự cố, hỏng hóc tại trạm xử lý nước thải của dự án. Người vận hành hệ thống xử lý thường phát hiện các sự cố trong quá trình vận hành thông qua quan sát hoặc từ tín hiệu của các thiết bị... Các sự cố mang tính kỹ thuật được căn cứ trên kết quả phân tích các chỉ tiêu trong nước thải. Các sự cố có thể chia là 2 nhóm:

+ Sự cố hỏng các máy móc, thiết bị cơ khí (như bơm nước thải, bơm bùn, bơm hóa chất, máy thổi khí...): Thay thế các thiết bị hỏng bằng các thiết bị dự phòng có sẵn;

+ Sự cố về công nghệ xử lý: bùn thải và nổi váng bọt tại bể lắng sơ cấp và bể lắng thứ cấp; Tăng cường tháo bùn ra khỏi bể lắng; sử dụng vòi phun khí hoặc nước áp lực cao để thông tắc đường ống; tăng lượng và nồng độ hóa chất keo tụ; thay thế tấm gạt tay cào bùn nếu cần thiết; thường xuyên kiểm tra và nạo vét hệ thống cống thoát nước thải. Ngoài ra, sự cố hệ thống vi sinh tại bể xử lý sinh học sẽ kiểm tra các thành phần độc tố trong nước thải đầu vào; điều chỉnh lượng không khí cấp vào bể; điều chỉnh vòng tuần hoàn từ bể hiếu khí về bể anoxic; tăng cường đảo trộn trong bể xử lý sinh học; xịt phá vỡ bọt bằng đầu phun nước.

- Sau khi khắc phục sự cố, bơm nước thải từ hồ sự cố về bể điều hòa của trạm xử lý nước thải và tiến hành quá trình xử lý nước thải từ dự án. Nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn sẽ được xả ra nguồn tiếp nhận.

3. Tổng diện tích cây xanh trong KCN Thanh Liêm giai đoạn II.

- Hệ thống không gian cây xanh tập trung được bố trí xen kẽ giữa các lô đất kết hợp cây xanh dọc các tuyến đường và cây xanh kỹ thuật bao quanh bốn phía KCN sẽ là hệ thống cây xanh sinh thái và cây xanh cảnh quan tốt. Hệ thống cây xanh này hòa đồng với nhau tạo nên những không gian xanh công viên vườn hoa len lỏi vào các khu vực sản xuất tạo thành một thể không gian hoàn chỉnh.

- Tính đến thời điểm hiện tại, tỷ lệ diện tích cây xanh trong KCN Thanh Liêm giai đoạn II chiếm khoảng 60%.

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét chung về chất lượng môi trường tại khu công nghiệp.

- Tại thời điểm tiến hành báo cáo, các dự án trong KCN Thanh Liêm giai đoạn II đang hoạt động sản xuất bình thường.

- Tất cả các thông số quan trắc trong mẫu nước thải đầu vào của trạm xử lý nước thải tập trung đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT, cột B và chất lượng nước thải đầu ra đạt giới hạn cột A, $K_q = 1$, $K_f = 0,9$, của quy chuẩn này.

- Tất cả các thông số quan trắc trong mẫu không khí xung quanh đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

2. Nhận xét và đánh giá chung về sự tuân thủ các quy định bảo vệ môi trường, công tác xử lý chất thải và quan trắc môi trường của KCN Thanh Liêm giai đoạn II

- Theo ĐTM được phê duyệt thì KCN Thanh Liêm giai đoạn II không có công trình xử lý khí thải chung. Tùy theo từng ngành nghề sản xuất, các nhà đầu tư thứ phát trong KCN sẽ phải lập báo cáo ĐTM riêng và có công trình xử lý khí thải riêng tại từng nhà máy (nếu có).

- KCN Thanh Liêm giai đoạn II đã xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung công suất $2000\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$, đáp ứng được yêu cầu về thu gom và xử lý nước thải của các doanh nghiệp thứ cấp, đảm bảo tiêu chuẩn xả thải trước khi xả thải ra môi trường. Hiện tại, trạm xử lý nước thải đang trong quá trình vận hành thử nghiệm với công suất $800\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$, thực hiện quan trắc định kỳ 3 tháng/lần với các mẫu không khí xung quanh, mẫu nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Các thông số quan trắc chất lượng không khí xung quanh đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT. Các chỉ tiêu phân tích mẫu nước thải đầu vào của trạm đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B).

- Rác thải, cụ thể là chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại trong Trạm xử lý nước thải được thu gom, phân loại và được kí hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng để xử lý theo đúng quy định của pháp luật. Các doanh nghiệp thứ cấp trong KCN cũng có trách nhiệm thu gom, phân loại và xử lý theo đúng quy định.

3. Các kiến nghị, đề xuất.

- Đề nghị Bộ tài nguyên và môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam ghi nhận những nỗ lực của Công ty trong việc bảo vệ môi trường Việt Nam nói chung và bảo vệ môi trường KCN nói riêng.

Trên đây là báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023 của Công ty TNHH Đầu tư Capella Hà Nam. Rất mong nhận được sự quan tâm, giúp đỡ của quý cơ quan.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ gửi kèm theo báo cáo này:

1. Giấy phép môi trường số 187/GPMT-BTNMT
2. Báo cáo kết quả quan trắc môi trường định kỳ Quý I,II,III,IV năm 2023.
3. Biên bản làm việc xác nhận đã truyền dữ liệu trạm QTTĐ về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: CT.

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Hoàng Văn Hưng

PHỤ LỤC 1: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA KHU CÔNG NGHIỆP

Bảng 01a. Danh sách các cơ sở hoạt động trong khu công nghiệp Thanh Liêm giai đoạn II

a) Tóm tắt tình hình hoạt động chung trong KCN:

TT	Tên KCN	Địa chỉ	Diện tích (ha)	Tên chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng	Số lượng cơ sở đang hoạt động trong KCN	Tỷ lệ lấp đầy (%)	Hệ thống thu gom nước mưa (có/không)	Xử lý nước thải (m ³ /ngđ)			Tổng lượng CTR phát sinh			Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	Tỷ lệ cây xanh
								Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m ³ /ng.đ)	Công suất thiết kế của HTXLNT (m ³ /ng.đ)	Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục (ghi rõ thông số)	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)		
1	KCN Thanh Liêm giai đoạn II	Xã Thanh Phong, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam	142,13	Công ty TNHH Capella Hà Nam	11	97	Có	632,12	2000	COD, TSS, pH, NH ₄ ⁺ , nhiệt độ, lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra	1,8	7300	70	Hồ sự cố có dung tích 4000m ³	60%

b) Chi tiết danh sách các cơ sở hoạt động trong KCN

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/ quy mô công suất	Xử lý nước thải			Xử lý khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh (%)
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m ³ /ng.đ)	Đầu nối vào HTXLNT	Tách nổi	Lượng khí thải phát sinh (m ³ /h)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Công ty cổ phần dược phẩm Bagiaco		Sản xuất dược phẩm	Chưa có nước thải	Có	Không	-	-	-	-	-	-
2	Công ty TNHH Samas Wiring Systems Vina	12/GPMT-BQLKCN	Sản xuất và gia công bộ dây dẫn điện cho ô tô, công suất 9.000.000 sp/năm	13,87	Có	Không	Không	Không	11.573	2078	66,5	18,32
3	Công ty TNHH Jarlytec Việt Nam	108/QĐ-BQLKCN	Sản xuất bàn lễ, máy tính xách tay, chân đế màn hình, giá đỡ điện thoại, công suất 1.920.000 sp/năm	4,5	Có	Không	Không	Không	2.300	-	Chưa phát sinh	22
4	Công ty TNHH Hệ thống dây dẫn Sumi Việt Nam	92/GPMT-BQLKCN	Sản xuất, lắp ráp hệ thống dây dẫn điện trong ô tô, xe máy, công suất 6.222.000 bộ/năm	67	Có	Không	Không	Không	6.125	22.802	1.496,6	45
5	Công ty CP Seimitsu Hà Nam	25/GXN-BQLKCN	Sản xuất gia công các chi tiết cơ khí chính xác, công suất 1.005.000 sp/năm	8	Có	Không	Không	Không	3,28	Chưa phát sinh	Chưa phát sinh	5

TT	Tên cơ sở hoạt động trong KCN	Số QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM, xác nhận bảo vệ MT; Giấy phép môi trường (nếu có)	Loại hình sản xuất chính/ quy mô công suất	Xử lý nước thải			Xử lý khí thải		Tổng lượng CTR phát sinh			Tỷ lệ cây xanh (%)
				Tổng lượng nước thải phát sinh thực tế (m ³ /ng.đ)	Đầu nối vào HTXLLNT	Tách nổi đầu nối	Lượng khí thải phát sinh (m ³ /h)	Quan trắc khí thải tự động, liên tục	Sinh hoạt (tấn/năm)	Công nghiệp thông thường (kg/năm)	Nguy hại (kg/năm)	
6	Công ty CP Việt Tiến Hà Nam	-	Sản xuất, gia công các trang thiết bị đảm bảo an toàn giao thông	15	Có	Không	Không	Không	9	-	15.375	20
7	Công ty TNHH Sơn dẻo nhiệt Synthetic	06/GPMT-BQLKCN	Sản xuất, gia công cơ khí và vật tư hạng mục an toàn giao thông, công suất 10.000 tấn/năm	4	Có	Không	Không	Không	3.000	321	730	20
8	Công ty TNHH Tuan Tsuki Việt Nam	40/GPMT-BQLKCN	Sản xuất phụ gia cho ngành nhựa với công suất 22.000 tấn/năm	10	Có	Không	Chưa quan trắc	Không	10	10	1	20
9	Công ty cổ phần Công nghệ TTC Toàn cầu	43/GPMT-BQLKCN	Sản xuất phụ gia cho ngành nhựa với công suất 17.000 tấn/năm	5	Có	Không	Chưa quan trắc	Không	10	10	1	20
10	Công ty TNHH Q P Việt Nam	46/GPMT-BQLKCN	Sản xuất và gia công các sản phẩm từ giấy, bìa và plastic, công suất 98.850.000 sp/năm	110	Có	Không	15.000	Không	5.506	11.764	1.511	22,47
11	Công ty TNHH băng mạch in Chi	335/GPMT-BTNMT	Sản xuất băng mạch in cho LCD và Notebook	550	Có	Không	491.200	Không	7	5.000	1.050	20,87

PHỤ LỤC 2: TỔNG HỢP KẾT QUẢ QUAN TRẮC

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả										
			495.KX001				10W2311.330						
I	Không khí xung quanh		Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4							
			1	Nhiệt độ	°C	18	28,7	29,5	22				
			2	Độ ẩm	%	58,2	72,4	74,8	68,5				
			3	Tốc độ gió	m/s	0,2	0,6	0,8	1,6				
			4	Tiếng ồn	dBA	66,7	42,4	50,2	60,3				
			5	Tổng bụi lơ lửng	µg/m ³	147	101	125	98				
			6	CO	µg/m ³	KPH	KPH	4,1	KPH				
			7	SO ₂	µg/m ³	32	16	KPH	KPH				
			8	NO ₂	µg/m ³	15	15	KPH	KPH				
II	Nước thải		495.NT001				10W2311.330						
			Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4			
			1	BOD ₅ (20°C)	mg/l	7,3	4,6	9,4	12,4				< 1
			2	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/l	0,05	0,35	0,32	0,09				0,26
			3	Tổng Nitơ	mg/l	4,4	7,1	1,8	6,4				4,2
			4	Tổng phốt pho	mg/l	1,97	1,06	0,68	0,827				0,4
			5	Sunfua (S ₂ -)	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH				< 0,02
			6	Clorua (Cl-)	mg/l	21	67,2	23,88	51,27				63
			7	Crom III (Cr ³⁺)	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH				< 0,003
			8	Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH				< 0,0003
			9	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH				< 0,003
			10	Chì (Pb)	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH				0,003
			11	Asen (As)	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH				< 0,001
			12	Cadimi (Cd)	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH				< 0,0002
			13	Đồng (Cu)	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH				< 0,03
			14	Kẽm (Zn)	mg/l	0,12	KPH	KPH	0,02				< 0,02
			15	Mangan (Mn)	mg/l	0,48	KPH	KPH	KPH				< 0,02
			16	Sắt (Fe)	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH				0,17
17	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH				< 1			
18	Coliform	MPN/100ml	KPH	247	23	1.700				2,6.10 ³			